

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2022

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Bà Nguyễn Hải Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố Minh Phú, thị trấn Minh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh M có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị **Lê Thị Công L**, sinh năm 1993

HKTT: Khóm 7, phường Châu Phú, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang

Chỗ ở hiện nay: ấp An Bình, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn M trình bày: Vào năm 2013, anh và chị Lê Thị Công L cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2013.

Cuộc sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xảy ra cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lý.

Về con chung: Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Lê Kim Ng, sinh ngày 24/6/2014, hiện nay đang sinh sống cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Lê Thị Công L.

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 24/6/2014 và không yêu cầu chị Lý cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Công L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L đều không có mặt.

Tại phiên tòa anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị L. Chị L vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là anh M: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị L: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, chị L tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh M.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Công L có hộ khẩu thường trú Khóm 7, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nhưng chỗ ở hiện nay tại ấp An Bình, xã Minh H, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ chị L đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị L vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh M và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh M nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế vợ chồng anh đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện chị không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị Lý đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Minh và chị Lý đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Minh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lý để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Minh, xử cho anh Minh được ly hôn chị Lý là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Minh xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Lê Kim Ngân, sinh ngày 24/6/2014, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con sống chung với anh M. Tại phiên tòa hôm nay anh M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận định từ khi anh M và chị L sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay con đều do anh M chăm sóc nuôi dưỡng, do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao con cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho anh M về quyền yêu cầu chị L cấp

dưỡng nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng anh M xác định không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và việc anh M không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị L đúng theo quy định pháp luật nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa anh M và chị L được. Hơn nữa tại phiên toà chị L xác nhận vợ chồng anh không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh Minh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Minh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Công L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Kim N, sinh ngày 24/6/2014 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Anh M không yêu cầu chị Lý cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lê Thị Công L có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009517 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; anh Minh không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Anh M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

